

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

MỤC 1: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ DỰ ÁN, GÓI THẦU

Tên gói thầu: Mua xe ÔTÔ 07 chỗ phục vụ sản xuất kinh doanh CNPN

Số hiệu gói thầu: 147/CHCT/XMCP/ĐT/2026.

Bên mời thầu: Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả.

Địa điểm: Đăng ký xe tại Chi nhánh Hà Nội – Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả.

Nguồn vốn: Chi phí sản xuất kinh doanh.

Phạm vi cung cấp của gói thầu: Thông tin trong Bảng phạm vi cung cấp hàng hóa – Mẫu số 01A được dẫn chiếu từ webform (gọi tắt là: “Bảng phạm vi cung cấp hàng hóa”) là cơ sở để nhà thầu lập bảng chào giá.

Tóm tắt nội dung Bảng phạm vi cung cấp hàng hóa như sau:

Stt	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật/Chỉ tiêu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]
1	Xe ô tô 7 chỗ	Chủng loại: Xe ô tô SUV 7 chỗ - Động cơ: 2TR-FE (2.7L), Xăng - Công suất : 164 HP/5.200 vòng/phút - Hộp số: Tự động 6 cấp; Dẫn động 1 cầu sau (4x2) - Nhiên liệu: Xăng - Màu sắc: Màu đen - Năm sản xuất: Từ 2026 - Chất lượng: Xe mới 100%	Xe	01

MỤC 2: YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

1. Tiến độ, địa điểm, thời gian thực hiện Hợp đồng

Thời gian thực hiện hợp đồng: 60 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng.

Tiến độ cung cấp hàng hóa: 30 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng cộng thêm 30 ngày kiểm tra, nghiệm thu hàng hóa.

Địa điểm thực hiện: Tại Hà nội.

2. Yêu cầu về kỹ thuật

2.1. Yêu cầu về chuẩn bị đề xuất kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật cho từng hàng hóa mời thầu gồm các thông tin nội dung và yêu cầu kỹ thuật chi tiết cho từng nội dung, chi tiết theo bảng trong Mục 2.3. Mỗi yêu cầu kỹ thuật được mô tả mức độ yêu cầu đáp ứng rõ ràng hoặc tương đương.

Để chứng minh tính đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tương đương, nhà thầu

được yêu cầu tuyên bố hàng hóa mình chào thầu có đáp ứng hay không đáp ứng yêu cầu trong “Bảng tuyên bố đáp ứng yêu cầu kỹ thuật” kèm theo E-HSDT.

Bảng tuyên bố đáp ứng yêu cầu kỹ thuật được lập dạng bảng gồm tối thiểu các thông tin với cấu trúc sau:

Stt	Nội dung	Yêu cầu kỹ thuật	Tuyên bố đáp ứng	Thông tin chứng minh
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]

Trong đó:

- Cột (1), (2), (3) lấy theo yêu cầu kỹ thuật trong E-HSMT.
- Cột (4) ghi tuyên bố: “Đáp ứng” hoặc “Không đáp ứng”. Trường hợp nhà thầu tuyên bố “Không đáp ứng” thì E-HSDT của nhà thầu được coi là không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật đó.

- Cột (5) giải thích lý do tuyên bố đáp ứng hoặc không đáp ứng đồng thời cung cấp thông tin chứng minh như: chứng minh trực tiếp, chứng minh bằng tài liệu của nhà sản xuất hàng hóa (có chỉ rõ tên tài liệu, mục, trang, dòng). Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của tài liệu mình cung cấp, trường hợp Bên mời thầu phát hiện tài liệu cung cấp không đúng sự thật, thì nhà thầu sẽ được đánh giá là gian lận và bị loại.

2.2. Yêu cầu chung

Hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng và được sản xuất từ tháng 01/2026 trở về sau.

2.3. Yêu cầu kỹ thuật chi tiết

Nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh sự đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa chào thầu bao gồm:

- Tài liệu kỹ thuật (catalogue, datasheets...) hoặc cam kết của nhà sản xuất.
- Cam kết, thông tin kê khai... của nhà thầu.

Yêu cầu kỹ thuật chi tiết đối với hàng hóa:

Stt	Nội dung	Yêu cầu kỹ thuật	Tiêu chí đánh giá	Phương pháp đánh giá
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]
I	Động cơ và tính năng vận hành			
1	Loại động cơ, nhiên liệu	2TR-FE (2.7L), Xăng	Đạt: đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. Không đạt: không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.	Tài liệu kỹ thuật hoặc cam kết của nhà sản xuất
2	Dung tích xi lanh	≥ 2.694 cc	Đạt: đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. Không đạt: không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.	Tài liệu kỹ thuật hoặc cam kết của nhà sản xuất

3	Công suất cực đại (Ps/vòng/phút)	≥ 164 mã lực (≥ 122 kW) tại 5.200 vòng/phút.	Đạt: đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. Không đạt: không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.	Tài liệu kỹ thuật hoặc cam kết của nhà sản xuất
4	Mô men xoắn cực đại (Nm/vòng/phút)	≥ 245 Nm tại 4.000 vòng/phút.	Đạt: đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. Không đạt: không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.	Tài liệu kỹ thuật hoặc cam kết của nhà sản xuất
5	Hệ thống truyền động	Cầu sau (4x2)	Đạt: đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. Không đạt: không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.	Tài liệu kỹ thuật hoặc cam kết của nhà sản xuất
6	Hộp số	Tự động 6 cấp (6AT).	Đạt: đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. Không đạt: không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.	Tài liệu kỹ thuật hoặc cam kết của nhà sản xuất
7	Hệ thống nhiên liệu	Phun xăng điện tử/EFI	Đạt: đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. Không đạt: không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.	Tài liệu kỹ thuật hoặc cam kết của nhà sản xuất
8	Số xy lanh và bố trí xy lanh	4 xy lanh; Thăng hàng	Đạt: đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. Không đạt: không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.	Tài liệu kỹ thuật hoặc cam kết của nhà sản xuất
9	Hệ thống truyền động	Dẫn động cầu sau	Đạt: đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. Không đạt: không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.	Tài liệu kỹ thuật hoặc cam kết của nhà sản xuất
10	Trợ lực tay lái	Thủy lực biến thiên theo tốc độ	Đạt: đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. Không đạt: không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.	Tài liệu kỹ thuật hoặc cam kết của nhà sản xuất
11	Tiêu chuẩn khí thải	Euro 5	Đạt: đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. Không đạt: không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.	Tài liệu kỹ thuật hoặc cam kết của nhà sản xuất
II Kích thước				
1	Dài x rộng x cao (mm)	4790 < D < 4800 1850 < R < 1860 1830 < C < 1840	Đạt: đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. Không đạt: không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.	Tài liệu kỹ thuật hoặc cam kết của nhà sản xuất
2	Khoảng sáng gầm xe (mm)	≥ 279	Đạt: đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. Không đạt: không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.	Tài liệu kỹ thuật hoặc cam kết của nhà sản xuất
3	Chiều dài cơ sở (mm)	≥ 2745	Đạt: đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. Không đạt: không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.	Tài liệu kỹ thuật hoặc cam kết của nhà sản xuất
4	Dung tích thùng nhiên liệu (L)	≥ 80 L	Đạt: đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. Không đạt: không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.	Tài liệu kỹ thuật hoặc cam kết của nhà sản xuất
III Hệ thống treo				
1	Trước	Độc lập, tay đòn kép với thanh cân bằng	Đạt: đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. Không đạt: không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.	Tài liệu kỹ thuật hoặc cam kết của nhà sản xuất
2	sau	Phụ thuộc, loại 4 thanh nối	Đạt: đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. Không đạt: không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.	Tài liệu kỹ thuật hoặc cam kết của nhà sản xuất
IV Hệ thống phanh				
1	Phanh trước	Đĩa tản nhiệt	Đạt: đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. Không đạt: không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.	Tài liệu kỹ thuật hoặc cam kết của nhà sản xuất
2	Phanh sau	Đĩa	Đạt: đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. Không đạt: không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.	Tài liệu kỹ thuật hoặc cam kết của nhà sản xuất

3	Cỡ lốp	265/60R18	Đạt: đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. Không đạt: không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.	Tài liệu kỹ thuật hoặc cam kết của nhà sản xuất
4	Vành	Vành mâm đúc	Đạt: đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. Không đạt: không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.	Tài liệu kỹ thuật hoặc cam kết của nhà sản xuất
V	Trang thiết bị an toàn			
1	Túi khí phía trước, bên, rèm dọc 2 bên trần xe, bảo vệ đầu gối người lái	Có	Đạt: đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. Không đạt: không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.	Tài liệu kỹ thuật hoặc cam kết của nhà sản xuất
2	Dây đai an toàn	3 điểm ELR, 7 vị trí	Đạt: đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. Không đạt: không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.	Tài liệu kỹ thuật hoặc cam kết của nhà sản xuất
3	Khóa an toàn trẻ em	ISO FIX	Đạt: đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. Không đạt: không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.	Tài liệu kỹ thuật hoặc cam kết của nhà sản xuất
4	Khóa cửa an toàn	Có	Đạt: đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. Không đạt: không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.	Tài liệu kỹ thuật hoặc cam kết của nhà sản xuất
5	Camera	Camera 360	Đạt: đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. Không đạt: không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.	Tài liệu kỹ thuật hoặc cam kết của nhà sản xuất
6	Hệ thống chống bó cứng phanh	Có	Đạt: đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. Không đạt: không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.	Tài liệu kỹ thuật hoặc cam kết của nhà sản xuất
7	Hệ thống hỗ trợ lực phanh khẩn cấp	Có	Đạt: đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. Không đạt: không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.	Tài liệu kỹ thuật hoặc cam kết của nhà sản xuất
8	Hệ thống phân phối lực phanh điện tử	Có	Đạt: đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. Không đạt: không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.	Tài liệu kỹ thuật hoặc cam kết của nhà sản xuất
9	Hệ thống cân bằng điện tử	Có	Đạt: đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. Không đạt: không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.	Tài liệu kỹ thuật hoặc cam kết của nhà sản xuất
10	Hệ thống kiểm soát lực kéo	Tự động	Đạt: đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. Không đạt: không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.	Tài liệu kỹ thuật hoặc cam kết của nhà sản xuất
11	Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc	Có	Đạt: đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. Không đạt: không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.	Tài liệu kỹ thuật hoặc cam kết của nhà sản xuất
12	Hệ thống cảnh báo điểm mù	Có	Đạt: đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. Không đạt: không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.	Tài liệu kỹ thuật hoặc cam kết của nhà sản xuất
13	Đèn báo phanh khẩn cấp	Có	Đạt: đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. Không đạt: không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.	Tài liệu kỹ thuật hoặc cam kết của nhà sản xuất
14	Camera lùi	Có	Đạt: đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. Không đạt: không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.	Tài liệu kỹ thuật hoặc cam kết của nhà sản xuất
15	Hệ thống báo động	Có	Đạt: đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. Không đạt: không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.	Tài liệu kỹ thuật hoặc cam kết của nhà sản xuất
16	Hệ thống mã hóa	Có	Đạt: đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.	Tài liệu kỹ thuật

	khóa động cơ		Không đạt: không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.	hoặc cam kết của nhà sản xuất
VI	Ngoại thất			
1	Đèn phía trước: Đèn chiếu gần; Đèn chiếu xa	LED	Đạt: đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. Không đạt: không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.	Tài liệu kỹ thuật hoặc cam kết của nhà sản xuất
2	Đèn chiếu sáng ban ngày tự động Bật/Tắt	Có	Đạt: đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. Không đạt: không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.	Tài liệu kỹ thuật hoặc cam kết của nhà sản xuất
3	Hệ thống cân bằng góc chiếu	Tự động	Đạt: đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. Không đạt: không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.	Tài liệu kỹ thuật hoặc cam kết của nhà sản xuất
4	Chế độ đèn chờ dẫn đường	Có	Đạt: đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. Không đạt: không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.	Tài liệu kỹ thuật hoặc cam kết của nhà sản xuất
5	Cụm đèn sau: Đèn vị trí; Đèn phanh; Đèn báo rẽ; Đèn lùi	LED	Đạt: đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. Không đạt: không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.	Tài liệu kỹ thuật hoặc cam kết của nhà sản xuất
6	Đèn báo phanh trên cao (Đèn phanh thứ ba)	LED	Đạt: đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. Không đạt: không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.	Tài liệu kỹ thuật hoặc cam kết của nhà sản xuất
7	Đèn sương mù trước, sau	LED	Đạt: đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. Không đạt: không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.	Tài liệu kỹ thuật hoặc cam kết của nhà sản xuất
8	Gương chiếu hậu ngoài: Chức năng điều chỉnh điện; Chức năng gập điện; Tích hợp đèn báo rẽ;	Có	Đạt: đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. Không đạt: không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.	Tài liệu kỹ thuật hoặc cam kết của nhà sản xuất
9	Gạt mưa trước, sau	Có	Đạt: đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. Không đạt: không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.	Tài liệu kỹ thuật hoặc cam kết của nhà sản xuất
VII	Nội thất			
1	Khởi động bằng nút bấm	Có	Đạt: đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. Không đạt: không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.	Tài liệu kỹ thuật hoặc cam kết của nhà sản xuất
2	Chía khóa thông minh	Có	Đạt: đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. Không đạt: không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.	Tài liệu kỹ thuật hoặc cam kết của nhà sản xuất
3	Điều hòa nhiệt độ	Tự động 2 vùng khí hậu	Đạt: đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. Không đạt: không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.	Tài liệu kỹ thuật hoặc cam kết của nhà sản xuất
4	Vật liệu ghế	Da	Đạt: đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. Không đạt: không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.	Tài liệu kỹ thuật hoặc cam kết của nhà sản xuất
5	Tay lái	3 chấu; Bọc da, ốp gỗ, mạ bạc	Đạt: đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. Không đạt: không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.	Tài liệu kỹ thuật hoặc cam kết của nhà sản xuất
6	Điều chỉnh hàng ghế trước	Ghế lái và ghế hành khách chỉnh điện 8 hướng	Đạt: đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. Không đạt: không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.	Tài liệu kỹ thuật hoặc cam kết của nhà sản xuất
7	Gương chiếu hậu	Chống chói tự động	Đạt: đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.	Tài liệu kỹ thuật

			Không đạt: không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.	hoặc cam kết của nhà sản xuất
8	Hệ thống âm thanh	Đầu đĩa Màn hình cảm ứng 9"; kết nối USB; Kết nối Bluetooth; Kết nối điện thoại thông minh không dây	Đạt: đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. Không đạt: không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.	Tài liệu kỹ thuật hoặc cam kết của nhà sản xuất
9	Số loa	11 loa	Đạt: đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. Không đạt: không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.	Tài liệu kỹ thuật hoặc cam kết của nhà sản xuất
10	Màn hình hiển thị đa thông tin	4.2"	Đạt: đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. Không đạt: không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.	Tài liệu kỹ thuật hoặc cam kết của nhà sản xuất
11	Tay lái Nút bấm điều khiển tích hợp	Điều chỉnh âm thanh, màn hình hiển thị đa thông tin, đàm thoại rảnh tay	Đạt: đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. Không đạt: không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.	Tài liệu kỹ thuật hoặc cam kết của nhà sản xuất
12	Lẫy chuyển số	Có	Đạt: đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. Không đạt: không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.	Tài liệu kỹ thuật hoặc cam kết của nhà sản xuất
VIII	Phụ kiện			
1	Lốp dự phòng (có cùng kích thước, thông số kỹ thuật với lốp chính)	Vành mâm đúc; Cờ lốp 265/60R18	Đạt: đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. Không đạt: không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.	Tài liệu kỹ thuật hoặc cam kết của nhà sản xuất
2	Dụng cụ hỗ trợ	01 kích thủy lực, 01 tay quay kích, 01 tuýp tháo lốp	Đạt: đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. Không đạt: không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.	Tài liệu kỹ thuật hoặc cam kết của nhà sản xuất

3. Điều kiện bảo hành

3.1. Thời gian, địa điểm bảo hành

- Tối thiểu 36 tháng hoặc 100.000 km tùy theo điều kiện nào đến trước, điều kiện bảo hành được thực hiện theo đúng nội dung của sổ bảo hành.

- Địa điểm bảo hành: Tại các cơ sở (đại lý) chính hãng trên toàn quốc. Nhà thầu cung cấp danh sách điểm bảo hành trên toàn quốc.

3.2. Yêu cầu về chế độ bảo hành

- Mọi chi phí phát sinh trong quá trình thực hiện bảo hành do nhà thầu chi trả.

- Nhà thầu có văn bản cam kết thực hiện thay thế vật tư, phụ tùng đúng của hãng xe cung cấp trong thời gian bảo hành.

- Nhà thầu cung cấp chế độ bảo hành của Nhà sản xuất.

MỤC 3: ĐIỀU KIỆN THANH TOÁN

Nhà thầu đưa vào E-HSĐT nội dung cam kết về điều kiện thanh toán như sau:

Thanh toán 100% giá trị hàng hóa bằng chuyển khoản trong vòng 15 ngày sau

khi chủ đầu tư nhận những giấy tờ sau:

- Công văn đề nghị thanh toán.
- Hóa đơn Giá trị gia tăng (Hóa đơn điện tử) của Nhà thầu cho Chủ đầu tư cho từng xe theo quy định của pháp luật:
 - Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu do Cục đăng kiểm cấp (bản ký điện tử được chấp nhận): 01 bản gốc và 05 bản sao y của Nhà sản xuất hoặc 06 bản sao y của Nhà sản xuất;
 - Bản cà số khung và số máy: 03 bản
 - Các chứng từ khác (nếu có) để đảm bảo Chủ đầu tư có thể đăng ký, đăng kiểm xe theo quy định của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

MỤC 4. BẢN VẼ: không.

MỤC 5. KIỂM TRA VÀ THỬ NGHIỆM

Kiểm tra trạng thái vật lý và các giấy tờ đính kèm của hàng hóa trước khi nhận bàn giao và khi nhận bàn giao.